

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm: 2025 (Tính đến tháng 8 năm 2025)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường THCS Nguyễn Thiên Thuật xây dựng báo cáo công khai thường niên năm 2025, như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thiên Thuật.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

- Địa chỉ: Đường Đặng Nhơn, phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng.
- Địa điểm trụ sở chính: Đường Đặng Nhơn, phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng.

- Điện thoại liên hệ: 0236 3879036

- Email: thcsnguyenthienthuat@danang.gov.vn

- Địa chỉ trao đổi nội bộ: thcsnguyenthienthuat@danang.gov.vn

- Website: <https://thcs-nguyenthienthuat-camle-danang.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp

- Loại hình cơ sở giáo dục: Công lập.

- Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND phường Hòa Xuân

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

Nhà trường có môi trường sư phạm dân chủ, thân thiện, ưu tiên chất lượng giáo dục để dần tiếp cận với các trường THCS vùng thuận lợi của phường Cẩm Lệ, phấn đấu có học sinh TN THCS thi đỗ vào các trường THPT chất lượng cao của thành phố; định hướng nghề nghiệp phù hợp với năng lực của từng học sinh, tạo sự tin cậy của nhân dân trên địa bàn. Xây dựng môi trường học tập thân thiện, học sinh được phát huy năng lực để phát triển tài năng của mình. Nhà giáo tích cực đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường THCS Nguyễn Thiên Thuật tiền thân là trường cấp 2 Hòa Xuân. Trường được thành lập năm 1977, đặt tại thôn Lỗ Giáng, sát UBND phường

Hòa Xuân cũ, do thầy Hồ Văn Ca làm hiệu trưởng. Ban đầu, trường chỉ có 6 lớp học lợp bằng tôn, hơn 100 học sinh với 14 CB-GV-NV.

Đến năm 1997, theo Quyết định số 35/TCCB, ngày 20/01/1997 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng, trường được xây lại khá khang trang trên diện tích đất 10.965m² với 3 dãy phòng lợp ngói, được bố trí hình chữ U, mặt hướng về phía đông. Tuy nhiên, trường vẫn bị thấp lẹt nên đến mùa mưa bão, việc dạy học, đi lại của giáo viên và học sinh gặp nhiều khó khăn.

Năm 2007, theo đề án Đổi và đặt tên trường ở địa bàn quận Cẩm Lệ, trường được đặt tên là trường THCS Nguyễn Thiện Thuật. Cùng thời gian này, trường nằm trong diện giải tỏa theo dự án của UBND thành phố Đà Nẵng đối với địa bàn phường Hòa Xuân nên được Thành phố phê duyệt và tiến hành thi công trên diện tích 8.266 m² tại khu dân cư mới, nằm ở đường Đặng Nhơn, phường Hòa Xuân và chính thức đi vào hoạt động tháng 8/2013.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, trường THCS Nguyễn Thiện Thuật đã vượt qua nhiều khó khăn thử thách, song vẫn kiên định thực hiện lời dạy của Bác: “Dù khó khăn đến đâu cũng phải tiếp tục thi đua dạy tốt, học tốt”. Vì thế, những năm qua, các phong trào thi đua diễn ra sôi nổi, đều khắp ở các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường. Nhiều năm liền, nhà trường đạt danh hiệu Trường tiên tiến, Chi bộ Trong sạch vững mạnh, Công đoàn, Đoàn đội luôn Vững mạnh xuất sắc. Đến năm 2015, tại Quyết định số 8470/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2015 của UBND thành phố Đà Nẵng, trường THCS Nguyễn Thiện Thuật được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2016-2021.

Bước vào năm học 2016-2017, nhà trường có tổng số 56 CB-GV-NV. Trong đó, 2 người trong BGH, 47 giáo viên trực tiếp giảng dạy, 6 nhân viên và 1 tổng phụ trách đội. Đội ngũ CB-GV-NV trẻ, nhiệt tình, năng lực chuyên môn vững vàng: 100% đạt chuẩn đào tạo; 90,7% trên chuẩn, trong đó có 4 thạc sĩ.

Về quy mô trường lớp: Trường có 26 lớp với 1077 học sinh; trong đó có 530 học sinh nữ. Cơ sở vật chất của trường đảm bảo cho học sinh học tập, rèn luyện thể chất và tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

Trường có tổ chức Chi bộ Đảng, Chi bộ nhà trường 5 năm liền (2012-2017) đạt danh hiệu “Chi bộ trong sạch vững mạnh”; Công đoàn trường liên tục đạt “Công đoàn cơ sở vững mạnh” 5 năm liền (2012-2017). Liên đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh liên tục đạt “Liên đội tiên tiến” cấp quận. Các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên, Ban đại diện cha mẹ học sinh đều hoạt động tích cực, góp phần cùng nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

năm học nhiều năm liền.

Đội ngũ lãnh đạo, giáo viên và nhân viên có phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống tốt, tâm huyết với nghề dạy học, hết lòng vì sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ, có năng lực chuyên môn vững vàng, có bề dày kinh nghiệm, nhiệt tình trong công việc, tinh thần trách nhiệm cao, đoàn kết gắn bó, thống nhất. Hằng năm, có nhiều giáo viên tham gia Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp Quận và đạt thành tích cao. Đặc biệt, trong năm năm gần đây, chất lượng giáo dục toàn diện của trường ngày càng được nâng cao. Tỷ lệ học sinh khá, giỏi tăng, năm sau cao hơn năm trước. Chất lượng học sinh giỏi cũng đạt được một số thành tích đáng khen như năm học 2016-2017 đạt 42 giải. Trong đó: 8 giải Nhất, 10 giải Nhì, 17 giải Ba và 7 giải khuyến khích. Trường đạt Nhất toàn đoàn về TĐTT. Đặc biệt, trường có 02 học sinh đậu vào trường THPT Lê Quý Đôn (em Phạm Phú Linh lớp 9/2, em Trần Thanh Nguyên lớp 9/1) và 01 học sinh đạt giải thưởng Huỳnh Thúc Kháng (em Trần Thanh Nguyên lớp 9/1). Trường đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” liên tục 5 năm học.

Thực hiện cuộc vận động “*Hai không*”, cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”, “*Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo*” và phong trào thi đua “*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*” giáo viên của nhà trường cũng đạt thành tích cao trong cuộc thi soạn giảng e-learning với 6 giải cấp thành phố và 02 giải trong cuộc thi dạy học theo chủ đề tích hợp. Trường THCS Nguyễn Thiện Thuật đã tập trung quan tâm đến công tác nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên, tích cực tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đổi mới phương pháp quản lý và dạy học, đổi mới việc kiểm tra, đánh giá học sinh. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học nhằm nâng cao hiệu quả giờ dạy. Thực hiện nghiêm túc chương trình, kế hoạch giảng dạy, các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động hướng nghiệp, dạy nghề, các phong trào văn nghệ, thể dục thể thao nhằm không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường, phấn đấu là địa chỉ tin cậy của phụ huynh, học sinh.

Năm 2025 thực hiện chính quyền 2 cấp Hoà Xuân sát nhập cùng với Xã Hoà Châu và xã Hoà Phước thuộc huyện Hoà Vang cũ thành phường Hoà Xuân mới với quy mô dân số và diện tích rất lớn.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có):

Trường được thành lập theo Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Hòa Xuân về việc thành lập trường THCS Nguyễn Thiện Thuật trực thuộc UBND phường Hòa Xuân;

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

- Quyết định công nhận hội đồng trường số 479/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Hòa Xuân về việc thành lập Hội đồng trường trường THCS Nguyễn Thiện Thuật nhiệm kỳ 2025-2030.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Điều 8. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

STT	Vị trí việc làm	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp năm học 2024-2025				Ghi chú
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Chưa đạt	Đạt	Khá	Tốt	
I	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	128		17	103	1	1	6	81	33	3	0	2	11	104	
	Giáo viên: Trong đó số giáo viên dạy môn:	114		14	100				81	32	1		2	11	101	
	1 Toán	21		3	18				15	6				2	19	
	2 KHTN-CN	25		4	21				18	6	1		1	2	22	
3	Lịch Sử-Địa lí	13			13				9	4				4	9	
4	Văn	21		5	16				13	8			1		20	
5	Anh	14		2	12				11	3					14	
6	Tin	3			3				2	1					3	
7	Nhạc	4			4				3	1				1	2	
8	Thể dục	7			7				6	1				2	5	
9	Mỹ thuật	3			3				1	2					3	
10	Công dân	2			2				2						2	
11	Tổng phụ trách Đội	1			1				1						1	
II	Cán bộ quản lý	3		3						1	2				3	
1	Hiệu trưởng	1		1							1				1	
2	Phó Hiệu trưởng	2		2						1	1				2	
III	Nhân viên	11			3	1	1	6								
1	Nhân viên văn thư	1				1										
2	Nhân viên kế toán	1			1											
3	Thủ quỹ – Giáo vụ	0														
4	Nhân viên y tế	1					1									
5	Nhân viên thư viện	1			1											
6	Nhân viên thiết bị	1			1											
7	Nhân viên khác (Bảo vệ)	6						6								

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định: 121/121 đạt.

Hiệu trưởng: Tự đánh giá Tốt

Phó Hiệu trưởng: Xếp loại đánh giá của cơ sở giáo dục: Tốt

Giáo viên: 02/118 đạt loại Đạt(1,69%); 11/118 đạt loại Khá (9,32%); 105/118 đạt loại Tốt (88,98%).

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 125/125 đạt 100%.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định; Theo căn cứ khoản 3 Điều 13 Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (gọi tắt là Quy định) ban hành kèm theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT như sau:

Diện tích trường	Bình quân/học sinh	Quy định
8.226 m ²	2,6m2/học sinh	10m2 cho một học sinh.

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	36	1.16 m ² /HS
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	32	-
2	Phòng học bán kiên cố	04	-
3	Phòng học tạm	04	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	3	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	2 lớp /p	-
8	Bình quân học sinh/lớp	41,2 HS/ lớp	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	8.226 m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2.400 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1853 m ²	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	231 m ²	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	0	
3	Diện tích thư viện (m ²)	134 m ²	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	187 m ²	
5	Diện tích phòng khác (...)(m ²)	0	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	8	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	65	2 bộ/ lớp
1.2	Khối lớp 7	62	2 bộ/ lớp
1.3	Khối lớp 8	58	2 bộ/ lớp
1.4	Khối lớp 9	50	2 bộ/ lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	0	
2.2	Khối lớp 7	0	
2.3	Khối lớp 8	0	
2.4	Khối lớp 9	0	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	-	-
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	42	37 HS/ bộ

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy

định: Hàng năm đều tổ chức rà soát, xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung kịp thời.

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Danh mục sách giáo khoa lớp 9 từ năm học 2024-2025: Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 23/5/2024 của UBND thành phố Đà Nẵng.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá; Căn cứ Thông tư số 18/2020/TT-BGDĐT, hàng năm nhà trường đều xây dựng và thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục năm học 2023-2024

Tiêu chuẩn, Tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	X

Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	
Tiêu chí 5.5		X	X	
Tiêu chí 5.6		X	X	X

b) Kết luận: Trường đạt cấp độ 1 kể từ ngày 8 tháng 3 năm 2024. Thời hạn cộng nhận là 5 năm theo Quyết định số 222/QĐ-SGDĐT ngày 8 tháng 3 năm 2024 của Sở giáo dục và Đào tạo về việc công nhận trường THCS Nguyễn Thiện Thuật đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Điều 9. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học

a) Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh; Hàng năm nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch phối hợp việc chăm sóc, giáo dục học sinh, với các nội dung chủ yếu sau:

Về phía nhà trường

- Nhà trường xây dựng triển khai kế hoạch năm học, phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện CMHS trong việc giáo dục đạo đức và quản lý học sinh; chăm lo các điều kiện phục vụ cho việc học tập, rèn luyện và phát triển của học sinh.

- Thông báo chất lượng học tập và rèn luyện đạo đức của học sinh vào giữa, cuối học kỳ I và cuối năm học.

- Tổ chức họp phụ huynh theo định kỳ ít nhất 3 lần/năm để thông báo tình hình học tập rèn luyện của học sinh và đưa ra giải pháp cùng phối hợp giáo dục học sinh. Xin ý kiến CMHS để có biện pháp giáo dục hiệu quả.

- Thông báo kịp thời các hiện tượng tiêu cực xảy ra ở trong trường để hội phụ huynh học sinh và địa phương nắm được.

- Kết hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh trao đổi tổ chức thành công

các ngày lễ lớn như: Lễ khai giảng, 20/11... các hoạt động ngoại khóa bộ môn, tiết học thực tế, sinh hoạt chuyên đề, hoạt động trải nghiệm.... Ban đại diện CMHS

- Ban đại diện hội cha mẹ học sinh tổ chức hoạt động theo Điều lệ Ban ĐD CMHS do Bộ GD&ĐT ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TTBGDDT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Ban đại diện cha mẹ học sinh trường phối hợp với Hiệu trưởng và ban liên tịch nhà trường tìm ra những biện pháp hữu hiệu để cho HS học tập tốt nhất. Có trách nhiệm quản lý HS học tập, sinh hoạt trong thời gian tự học và dịp nghỉ hè. - Phối hợp và đề xuất với nhà trường về việc giáo dục đạo đức cho HS; động viên khuyến khích những HS đạt kết quả cao trong học tập, HSG các môn văn hóa; bồi dưỡng HS Yếu- Kém; tìm hiểu hoàn cảnh gia đình, vận động HS đã bỏ học hoặc có nguy cơ bỏ học tiếp tục đến trường.

- Phối hợp với nhà trường giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho HS nhằm hạn chế đến mức thấp nhất việc vi phạm pháp luật của HS, nhất là bạo lực học đường, HS đi xe máy không đúng qui định và các tệ nạn xã hội khác.

- Động viên kịp thời đối với các thầy, cô giáo nhân các ngày lễ lớn, đặc biệt là ngày 20/11.

- Có trách nhiệm tổng hợp các ý kiến, tâm tư, nguyện vọng của phụ huynh các lớp báo cáo với Hiệu trưởng để tìm ra những biện pháp giải quyết hữu hiệu nhất. - Phối hợp với nhà trường làm tốt công tác vận động tài trợ cho giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy và học trong nhà trường.

- Thường xuyên nắm bắt tình hình trong dạy và học của nhà trường để kịp thời góp ý để nhà trường khắc phục những hạn chế và thực hiện thành công những chỉ tiêu trong năm học 2024 – 2025 và những hoạt động, chỉ tiêu đề ra của năm học 2025-2026.

- Phân công 01 thành viên trong Ban ĐDCMHS thực hiện hồ sơ sổ sách.

- Công khai thu chi quỹ hội CMHS trường trong các kỳ họp Ban ĐDCMHS.

- Trưởng ban ĐDCMHS xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban ĐDCMHS từng năm học, có trách nhiệm báo cáo tổng kết hoạt động trước hội nghị CMHS đầu năm học.

- Chủ trì các cuộc họp Ban ĐDCMHS cùng nhà trường.

- Cùng nhà trường ký kết thực hiện ATGT, và các chương trình khác theo yêu cầu nâng cao chất lượng dạy và học cho từng năm học.

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục: Nhà trường phối hợp với tổ chức Đoàn thanh niên của xã để quản lý, tổ chức sinh hoạt hè cho học sinh.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình

quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;

Stt	Tổng số	Nam	Nữ	Tuyển mới và tiếp nhận học sinh	Lưu ban	Số học sinh bình quân/lớp theo từng khối	Dân tộc	Học sinh khuyết tật
Khối 6	795	411	384	795	5	39,75/20 lớp	3	5
Khối 7	865	440	425	1	4	43,25/20 lớp	12	6
Khối 8	696	363	333	3	7	46,4/15 lớp	3	5
Khối 9	458	264	194	3	0	45,8/10 lớp	10	4
Tổng cộng	2814	1478	1336	802	16	43,3/65 lớp	28	20

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp sau khi thi lại (**tháng 8**)

STT	Nội dung	Chia ra theo khối lớp				Tổng số
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	795	865	696	458	2814
1	Tốt (Tỷ lệ so với tổng số)	758 (95,35 %)	823 (95,14%)	632 (90,80%)	432 (94,32 %)	2645 (93,99%)
2	Khá (Tỷ lệ so với tổng số)	37 (4,65 %)	41 (4,74%)	63 (9,05%)	24 (5,24%)	165 (5,86%)
3	Đạt (Tỷ lệ so với tổng số)	0	1 (0,13%)	1 (0,14%)	2 (0,44%)	4 (0,14%)
4	Chưa đạt (Tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	795	865	696	458	2814
1	Tốt (Tỷ lệ so với tổng số)	287 (36,10%)	348 (40,23%)	229 (32,90%)	146 (31,88%)	1010 (35,89%)
2	Khá (Tỷ lệ so với tổng số)	300 (37,74%)	303 (35,03%)	254 (36,49%)	158 (34,50%)	1015 (36,07%)
3	Đạt (Tỷ lệ so với tổng số)	203 (25,53%)	210 (24,28%)	206 (29,60%)	152 (33,19%)	771 (27,40%)
4	Chưa đạt (Tỷ lệ so với tổng số)	0	4 (0,46%)	7 (1,01%)	2 (0,44%)	18 (0,64%)
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (Tỷ lệ so với tổng số)	790 (99,37)	861 (99,54)	689 (98,99)	456 (99,56)	2796 (99,36)
a	Học sinh Tốt (Tỷ lệ so với tổng số)	287 (36,10%)	348 (40,23%)	229 (32,90%)	146 (31,88%)	1010 (35,89%)
b	Học sinh Khá (Tỷ lệ so với tổng số)	300 (37,74%)	303 (35,03%)	254 (36,49%)	158 (34,50%)	1015 (36,07%)
2	Thi lại (Tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0

STT	Nội dung	Chia ra theo khối lớp				Tổng số
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	
3	Lưu ban sau thi lại (Tỷ lệ so với tổng số)	0	4 (0,46%)	7 (1,01%)	2 (0,44%)	18 (0,64%)
4	Chuyển trường đến/đi Đến	0	1	3	3	7
	(hoặc học nghề) Đi	0	2	1	2	5
5	Bị đuổi học (Tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp quận			37		37
2	Cấp thành phố				52	52
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp				458	458
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp				456	456 (Sau TN lần 2)
1	Tỷ lệ so với tổng số				99,56	99,56 (Sau TN lần 2)
VII	Số học sinh thi đỗ lớp 10 công lập trên tổng số học sinh				361/435 (83%)	
	và ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)				57/74	Học các trường nghề và các trường THPT ngoài công lập)
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	411/384	440/425	363/333	264/194	1478/1336
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	3	12	3	10	28

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

- Số HS được công nhận tốt nghiệp: 456/458 đạt 99,57%.
- Số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp: 57.
- Số học sinh tiếp tục học tại các cơ sở tự do khác: 17

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính

STT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo 2025	Năm trước 2024
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	26.863.195.000	20.370.772.000
I	Ngân sách cấp	26.863.195.000	20.370.772.000
II	Thu giáo dục		65.800.000
1	Học phí	0	0
2	Thu khác (Vệ sinh)	0	65.800.000
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	26.863.195.000	26.863.195.000
1	Chi lương, thu nhập cho giáo viên , nhân viên	20.360.075.000	14.965.652.000
2	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	6.305.120.000	5.015.120.000
3	Chi học bổng và hỗ trợ người học		
4	Chi khác	198.000.000	390.000.000
C	CHÊNH LỆCH THU CHI (SỐ DƯ CÁC QUỸ)	0	

2. Các khoản thu và mức thu đối với học sinh

STT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo 2025	Năm trước 2024
I	Mức thu học phí	Miễn thu	Miễn thu
II	Mức thu vệ sinh/học sinh/ năm học	Miễn thu	70.000

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách về trợ cấp, miễn giảm học phí , học bổng đối với học sinh

STT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo 2025	Năm trước 2023
1	Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021	36.000.000	20.100.000
1.1	Miễn giảm học phí		0
1.2	Hỗ trợ chi phí học tập	36.000.000	20.100.000
2	Nghị quyết 75/2021/NQ-HĐND ngày 17/02/2021		23.100.000
2.1	Đối tượng miễn học phí 90%		0
2.2	Đối tượng miễn học phí 100%		23.100.000
3	Hỗ trợ HS khuyết tật TTLT 42/2013/TTLT-BGDĐT--BTC NGÀY 31/12/2013		38.160.000
3.1	Hỗ trợ HS khuyết tật nghèo, cận nghèo		38.160.000

Trên đây là báo cáo công khai tính đến ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Trường THCS Nguyễn Thiện Thuật ./.

Nơi nhận:

- Đăng tin website đơn vị;
- Niêm yết tại bảng công khai;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Ngô Thị Thanh Thoa